

# CHRISTOLOGY 2

## KITÔ HỌC 2

Tổng Giáo Phận Galveston-Houston  
 Học Viện Thần Học Lời Nhập Thể  
 Phaolô Phạm Xuân Khôi  
 giaolygh@gmail.com  
 713-398-1554  
<http://evangelization.space>

### What is Christology – Kitô học là gì?

"Christology is the process of interpreting one's faith-experience of God, alive for us in Jesus, the Christ through His Mystical Body, The Church."

"Kitô học là tiến trình giải thích kinh nghiệm đức tin của một người về Thiên Chúa, đang sống cho chúng ta trong Chúa Giêsu, Đấng Kitô qua Nhiệm Thể Người là Hội Thánh."

### What is Theology – Thần học là gì?

According to Saint Anselm, *theology is "fides quaerens intellectum: faith seeking understanding."*

A theologian is moved not by mere curiosity but by love and veneration for the mystery.

Theo Thánh Anselm thì, *thần học là "fides quaerens intellectum: đức tin tìm sự hiểu biết".*

Một thần học gia được đánh động không chỉ thuần túy bởi óc tò mò nhưng bởi tình yêu và tôn kính mầu nhiệm.

## Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

- Faith consolidates, integrates and illumines the heritage of truth that human reason acquires.
- protects reason from any temptation to distrust its own abilities,
- stimulates it to be open to ever broader horizons.
- keeps alive in it the search for foundations and enriches human's work in the relationship with God.
- "Đức tin củng cố, sát nhập và soi sáng gia sản chân lý được thủ đắc bởi lý trí của con người.
- bảo vệ lý trí khỏi mọi cám dỗ nghi ngờ về khả năng của mình,
- kích thích nó để mở ra cho những chân trời rộng lớn hơn.
- bảo tồn việc tìm kiếm các nền tảng và phong phú hóa công việc của con người trong mối liên hệ với Thiên Chúa.

## Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

"Reason too, with its own means can do something important for faith, making it a threefold service:

1. demonstrating those truths that are preambles of the faith;
2. giving a clearer notion, by certain similitudes, of the truths of the faith;
3. resisting those who speak against the faith, either by showing that their statements are false, or by showing that they are not necessarily true" (q. 2, a.3).

"Mặt khác, lý trí và những phương tiện của nó có thể làm một việc quan trọng cho đức tin, là phục vụ nó ba cách:

1. minh chứng những chân lý làm nền tảng của đức tin,
2. giải thích cách rõ ràng các chân lý đức tin bằng những so sánh vững chắc,
3. đẩy lui những kẻ nói chống lại đức tin, bằng cách chứng tỏ rằng các phát biểu của họ là sai lạc, hoặc cho thấy rằng chúng chưa chắc đã đúng".

## The Importance of Faith Tầm quan trọng của Đức Tin

The faith is the absolute requisite for theology. It is so not only because the faith is its raw material (theology has the faith as a starting point) but because good theology is done from within the faith.

Theology is thus something more than a simple rational reflection on the data of Revelation. This is why Saint Augustine affirms: understand in order to believe, believe in order to understand.

Đức tin là điều tuyệt đối cần thiết cho thần học. Sở dĩ như thế không phải chỉ vì Đức Tin là nguyên liệu thô (thần học có đức tin là một khởi điểm) nhưng vì thần học tốt được thực hiện từ bên trong Đức tin.

Do đó thần học là một điều gì đó nhiều hơn một suy tư đơn giản hợp lý về các dữ kiện của Mạc Khải. Đây là lý do tại sao Thánh Augustinô khẳng định: hiểu để tin, tin để hiểu.

## What is Catholic Faith? – Đức Tin CG là gì?

"Faith implies assent of the intellect to that which is believed....The intellect assents... in two ways.

First, through being moved to assent by its very object, which is known either by itself ..., or through something....

Secondly the intellect assents to something,... through an act of choice, whereby it turns voluntarily to one side rather than to the other: ... , if there be certainty and no fear of the other side, there will be faith" (S.T., II-II, Q. 1, A. 4.)

"Đức tin ám chỉ sự ưng thuận của trí khôn với điều được tin.... Trí khôn ưng thuận... bằng hai cách.

Trước hết, vì được đánh động để ưng thuận bởi chính khách thể, có thể được biết vì chính nó..., hay qua một điều gì khác....

Thứ đến, trí khôn ưng thuận một điều gì... bởi một hành động lựa chọn, như thể trở thành tự ý theo bên này thay vì bên kia..., nếu có sự chắc chắn và không sợ bên kia, thì sẽ là đức tin" (S.T., II-II, Q. 1, A. 4).

## Catholic Faith – Đức Tin Công Giáo

### 1. Faith as a theological virtue

faith is "the act of the intellect assenting to a Divine truth owing to the movement of the will, which is itself moved by the grace of God" (St. Thomas, II-II, Q. iv, a. 2).

2. Faith is not blind – because of the authority of God Who reveals them and certain external proofs of His revelation.

3. Justification not by faith alone

### 1. Đức tin là một nhân đức đối thần

Đức tin là "hành động của trí khôn chấp nhận một chân lý của Thiên Chúa vì sự chuyển động của ý chí, là điều được tác động bởi ân sủng của Thiên Chúa" (Th. Tôma, II-II, Q. iv, a. 2).

2. Đức tin không mù quáng – bởi vì quyền bính của Thiên Chúa Đáng mặc khải chúng và những bằng chứng ngoại tại chắc chắn về mặc khải của Ngài.

3. Công chính hoá không chỉ nhờ ĐT

## Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

### "To preach. . . the unsearchable riches of Christ"

The transmission of the Christian faith consists primarily in proclaiming Jesus Christ in order to lead others to faith in him. Christ is the Living Word appearing to save us. From the beginning, the first disciples burned with the desire to proclaim Christ. We continue the work of the Apostles to preach the unsearchable riches of Christ to the world (CCC 425).

### "Đề rao giảng... sự phong phú khôn lường của Đức Kitô"

Việc truyền đạt đức tin trước hết bao gồm việc loan báo Đức Giêsu Kitô để dẫn những người khác đến đức tin vào Người. Đức Kitô là Lời ban sự sống đã xuất hiện để cứu độ chúng ta. Ngay từ đầu, các môn đệ tiên khởi đã nóng lòng ao ước rao giảng Đức Kitô. Chúng ta tiếp tục công việc của các Tông Đồ là rao giảng sự phong phú khôn lường của Đức Kitô cho nhân loại (GLHTCG 425).

## Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

Whoever is called "to teach Christ" must first seek "the surpassing worth of knowing Christ Jesus"; he must suffer "the loss of all things..." in order to "gain Christ and be found in him", and "to know him and the power of his resurrection, and [to] share his sufferings, becoming like him in his death, that if possible [he] may attain the resurrection from the dead". From this loving knowledge of Christ springs the desire to proclaim him, to "evangelize", and to lead others to the "yes" of faith in Jesus Christ (428-429).

Ai được mời gọi để dạy về Đức Kitô trước hết phải tìm "mối lợi tuyệt vời là hiểu biết Đức Kitô;" người đó phải "mất hết ... để được Đức Kitô và được kết hợp với Người", và để biết Người và quyền năng của sự Phục Sinh của Người, và để chia sẻ sự đau khổ của Người, nên giống Người trong cái chết của Người, để có thể được sống lại. Từ sự hiểu biết Đức Kitô trong tình yêu này, chúng ta mới khao khát rao giảng về Người, Phúc Âm hoá và dẫn tha nhân đến đức tin vào Người (428-429).

## Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

### Jesus is the Only Son of God

God has visited his people. He has fulfilled the promise he made to Abraham and his descendants. He has sent his own 'beloved Son'. We believe and confess that Jesus of Nazareth is the eternal Son of God made man. He is 'the Christ, the Son of the living God.' On the rock of this faith, Christ built his Church (CCC 422-424).

### Chúa Giêsu: Con Một Thiên Chúa

Thiên Chúa đã viếng thăm dân Ngài. Ngài đã làm tròn lời hứa với ông Abraham và con cháu ông. Ngài đã sai "Con yêu dấu" của Ngài. Chúng tôi tuyên xưng rằng Chúa Giêsu thành Nadareth là Con Vĩnh Cửu của Thiên Chúa làm người. Người là 'Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống.' Trên đá tảng đức tin này, Đức Kitô xây dựng Hội Thánh Người (GLHTCG 422-424).

## Old Testament and the New Testament are inseparable Cựu Ước và Tân Ước không thể tách rời nhau được

- The Church has always affirmed that the Old Testament and the New Testament are inseparable. Their first relationship is precisely that.
- Hội Thánh luôn khẳng định rằng Cựu Ước và Tân Ước không thể tách rời nhau được. Mối quan hệ đầu tiên của hai giao ước chính là thế.
- At the beginning of the second century, when Marcion wished to discard the Old Testament, he met with vehement resistance from the post-apostolic Church.
- Vào thời đầu thế kỷ thứ hai, khi Marcion muốn bãi bỏ Cựu Ước, ông đã gặp phải sự chống đối mãnh liệt từ Hội Thánh thời hậu Tông Đồ.



## The Relationship between Old & New Testaments Liên Hệ giữa Cựu Ước và Tân Ước

- It is in the light of the Old Testament that the New understands the life, death and glorification of Jesus (cf. 1 Co 15:3-4).
- The New Testament demands to be read in the light of the Old, but it also invites a “re-reading” of the Old in the light of Jesus Christ (cf. Lk 24:44-46).
- Chính trong ánh sáng của Cựu Ước mà Tân Ước mới hiểu được đời sống, cái chết và sự tôn vinh của Chúa Giêsu (xem 1 Cor 15: 3-4).
- Tân Ước cần phải được đọc theo ánh sáng của Cựu Ước, nhưng nó cũng mời gọi một “sự đọc lại” của Cựu Ước theo ánh sáng của Chúa Giêsu Kitô (Lc 24: 44-46).

## Old Testament... A movement towards Christ Cựu Ước... Một sự di chuyển về phía Đức Kitô

- For Christians, all the Old Testament economy is in movement towards Christ; if then the Old Testament is read in the light of Christ, one can, retrospectively, perceive something of this movement.
- But since it is a movement, a slow and difficult progression throughout the course of history, each event and each text is situated at a particular point along the way, at a greater or lesser distance from the end.
- đối với Kitô hữu, công trình Cựu Ước đang di chuyển về phía Đức Kitô; Như thế nếu Cựu Ước được đọc trong ánh sáng của Đức Kitô, người ta có thể, bằng cách nhìn lại, nhận thức được một điều gì đó của sự di chuyển này.
- Nhưng vì nó là một chuyển động, một sự tiến triển chậm chạp và khó khăn qua suốt dòng lịch sử, mỗi biến cố và mỗi văn bản nằm ở một điểm đặc biệt dọc theo con đường, ở một khoảng cách lớn hơn hoặc nhỏ hơn từ cùng đích.

## Seven Main "Pillars" of Ancient Judaism Bảy “Trụ Cột” chính của Do Thái Giáo Cổ Đại

1. Election: the people of Israel are "chosen" by God;
2. Land: the "Holy Land" was "promised land"
3. Monotheism: there is only One God = YHWH; cf. the "Shema" prayer (Deut 6:4)
4. Law: core in "Decalogue", "Torah", whole Bible
5. Monarchy: the Davidic dynasty forever
6. Temple: God can dwell in the midst of his people
7. Messiah: when the covenants are broken, God will raise up an "anointed" leader to restore the nation to God, and to restore the earth to peace and justice with no more war, disease, death, etc
1. Tuyển chọn: Dân Israel được Thiên Chúa “tuyển chọn”;
2. Đất: “Đất Thánh” là “Đất Hứa”
3. Thuyết Độc Thần: Chỉ có một Thiên Chúa = GIAVÊ; xem kinh “Shema” (Đnl 6: 4)
4. Lễ Luật: cốt lõi trong “Thập Giới”, “Ngũ Kinh” (Năm Sách của Môsê) và toàn bộ Thánh Kinh
5. Chế độ quân chủ: triều đại David muôn đời.
6. Đền Thờ: nơi Thiên Chúa có thể ở giữa dân Ngài
7. Đấng Mêsia: Khi các giao ước bị tan vỡ, Thiên Chúa sẽ nâng lên một nhà lãnh đạo “được xức dầu” để khôi phục đất nước lại cho Thiên Chúa, cùng phục hồi hòa bình và công lý cho thế giới mà không còn chiến tranh, bệnh tật, sự chết, vv

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mê-si-a

- |                                                                                                                |                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| • God promised to Adam and Eve that the seed of the Woman will crush Serpent's head.                           | • Thiên Chúa hứa rằng miêu duệ của Người Phụ Nữ sẽ đạp dẫm đầu Con Rắn                                           |
| • God promised that all peoples of the earth "shall find blessing in" Abraham (Gen 12:2-3).                    | • Thiên Chúa đã hứa rằng tất cả các dân tộc trên thế gian đất "sẽ được chúc phúc trong" ông Abraham.             |
| • God's covenant with David provided for the continuance of his dynasty and his throne forever (2 Sam 7:4-29). | • Giao ước của Thiên Chúa với vua David đã cung cấp sự tiếp tục cho triều đại và ngai vàng của vua đến muôn đời. |
| • Two kinds of Messiah.                                                                                        | • Hai loại Thiên Sai.                                                                                            |
| • The Suffering Servant                                                                                        | • Suffering Servant                                                                                              |

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mê-si-a

### Genesis 3:15

<sup>15</sup>I will put enmity between you and the woman, and between your offspring and hers; He will strike at your head, while you strike at his heel.

### Sáng Thế 3:15

<sup>15</sup>Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mê-si-a

### Deuteronomy 18

<sup>15</sup>"The LORD your God will raise up for you a prophet like me from among you, from your brethren--him you shall heed."  
<sup>18</sup>"I will raise up for them a prophet like you from among their brothers; I will put my words in his mouth, and he will tell them everything I command him."

### Đệ Nhị Luật 18

<sup>15</sup>"Giữa anh em, trong số các anh em của anh em, ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như tôi để giúp anh em; anh em hãy nghe vị ấy."  
<sup>18</sup>Từ giữa anh em của chúng, Ta sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như người để giúp chúng, Ta sẽ đặt những lời của Ta trong miệng người ấy, và người ấy sẽ nói với chúng tất cả những gì Ta truyền cho người ấy.

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mêsia

### 2 Sam 7:4-29

The LORD also reveals to you that he will establish a house for you. <sup>12</sup>And when your time comes and you rest with your ancestors, I will raise up your heir after you, sprung from your loins, and I will make his kingdom firm. <sup>13</sup>It is he who shall build a house for my name. And I will make his royal throne firm forever.

### 2 Sam 7:4-29

ĐỨC CHÚA báo cho người biết là ĐỨC CHÚA lập cho người một nhà. <sup>12</sup>Khi ngày đời của người đã mãn và người đã nằm xuống với cha ông, Ta sẽ cho dòng dõi người đứng lên kế vị người - một người do chính người sinh ra-, và Ta sẽ làm cho vương quyền của nó được vững bền. <sup>13</sup>Chính nó sẽ xây một nhà để tôn kính danh Ta, và Ta sẽ làm cho ngai vàng của nó vững bền mãi mãi.

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mêsia

### Psalms 89:35-38

*I will not violate my covenant;  
the promise of my lips I will not  
alter.  
Once, by my holiness, have I sworn;  
I will not be false to David.  
His posterity shall continue forever,  
and his throne shall be like the sun  
before me;  
Like the moon, which remains  
forever - a faithful witness in the  
sky.*

### Thánh Vịnh 89: 35-38

*Giao ước của Ta, Ta sẽ không vi phạm,  
Lời hứa từ miệng Ta, Ta sẽ chẳng đổi  
thay.  
Một khi, bằng sự thánh thiện của Ta, Ta  
đã thề,  
thì Ta sẽ chẳng thất tín cùng David.  
Dòng dõi nó sẽ trường tồn mãi mãi,  
Trước mặt Ta, ngai vàng nó sẽ tựa mặt  
trời;  
như mặt trăng muôn đời tồn tại  
giữa trời cao làm nhân chứng tín thành.*

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mêsia

### Psalms 2

<sup>7</sup> I will proclaim the decree of the LORD, who said to me, "You are my son; today I am your father"

### Psalms 49 - Resurrection

### Psalms 72 – Prince of Peace

### Psalms 110

The LORD says to you, my lord:  
"Take your throne at my righthand,  
while I make your enemies your  
footstool."

### Thánh Vịnh 2

<sup>7</sup>Tân vương lên tiếng: Tôi xin đọc sắc phong của CHÚA, Người phán bảo tôi rằng: "Con là con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra con."

### Thánh Vịnh 49 – Chúa Phục Sinh

### Thánh Vịnh 72 – Hoàng Tử Hoà Bình

### Thánh Vịnh 110

Đức Chúa phán cùng Chúa tôi: "Bên hữu Cha đây,  
Con lên ngự trị,  
để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt làm bệ dưới chân  
con."

## The Old Testament and the Messianic Hope Cựu Ước và Niềm Hy Vọng về Đấng Mê-si-a

### The Suffering Servant

- *Psalm 22*
- *Isaiah 52;13-53:12*

### Người Tôi Tớ Đau Khổ

- *Thánh Vịnh 22*
- *Isaiah 52;13-53:12*

Copyright © 2007 by Trinity

## Suffering Servant

Yet it was our infirmities that he bore, our sufferings that he endured, While we thought of him as stricken, as one smitten by God and afflicted. But he was pierced for our offenses, crushed for our sins, upon him was the chastisement that makes us whole, by his stripes we were healed. We had all gone astray like sheep, each following his own way; but the LORD laid upon him the guilt of us all.

- Isaiah 53:4-6

Sự thật, chính người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta, đã gánh chịu những đau khổ của chúng ta, còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng họa, phải nhục nhả ê chề. Chính người đã bị đâm vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm; người đã chịu sửa trị để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành. Tất cả chúng ta lạc lõng như chiên cừu, lang thang mỗi người một ngã. Nhưng ĐỨC CHÚA đã đổ trên đầu người tội lỗi của tất cả chúng ta.

- Isaiah 53:4-6

## The Servant Songs— 2<sup>nd</sup> Isaiah

**Isaiah 42:1-7**

**Isaiah 49:1-6**

**Isaiah 50:4-9**

**Isaiah 52:13 - 53:12**



## The Servant Songs

The hope for a Messiah is expressed in the servant songs, a hope that Christians believe is fulfilled in Jesus Christ.

The 4<sup>th</sup> Servant Song: “The Suffering Servant” (“he will take away the sins...”)

These readings are used during Holy Week

Hy vọng về Đấng Thiên Sai được diễn tả trong các bài ca người tôi tớ, một niềm hy vọng mà các Kitô hữu tin rằng hoàn thành nơi Đức Kitô.

Bài Ca người tôi tớ thứ 4: “Người Tôi Tớ Đau Khổ” (“người sẽ cất đi tội lỗi...”)

Các bài đọc này được sử dụng trong Tuần Thánh

27

## Daniel

### Daniel 2:44-45

<sup>44</sup>In the lifetime of those kings the God of heaven will set up a kingdom that shall never be destroyed or delivered up to another people; rather, it shall break in pieces all these kingdoms and put an end to them, and it shall stand forever.

### Daniel 7:7-28

<sup>13</sup>As the visions during the night continued, I saw One like a son of man coming, on the clouds of heaven.... (4 Beasts vision). <sup>18</sup>But the holy ones of the Most High shall receive the kingship, to possess it forever and ever.

### Daniel 2:44-45

<sup>44</sup>Trong thời đại các vua này, Đức Chúa Trời sẽ lập một vương quốc không bao giờ bị tiêu diệt, vương quốc ấy không bị giao cho một dân khác, nhưng nó sẽ đập tan và tiêu diệt tất cả mọi vương quốc này, đến muôn đời nó sẽ đứng vững;” .

### Daniel 7:7-28

<sup>13</sup>Trong những thị kiến ban đêm, tôi mãi nhìn thì kia: có ai như một Con Người đang ngự giá mây trời mà đến.... (4 Beasts vision). <sup>18</sup>Rồi chư thánh của Đấng Tối Cao sẽ lãnh nhận vương quyền và nắm giữ vương quyền ấy mãi mãi muôn đời.

28

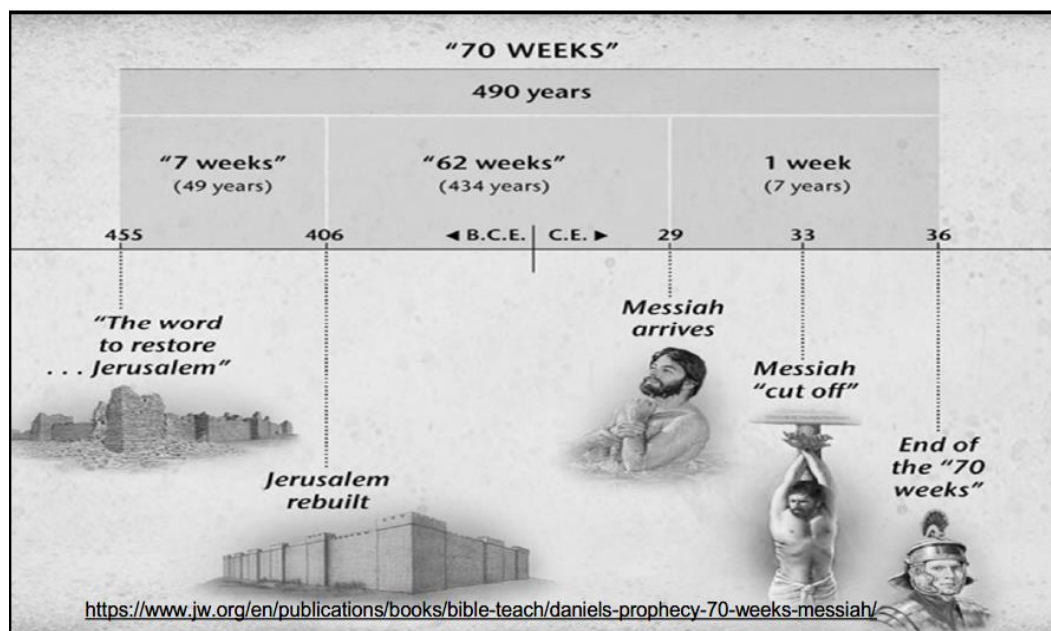
### Daniel 9:25-27

<sup>24</sup>Seventy weeks are decreed for your people and for your holy city.... <sup>25</sup>Know and understand this: From the utterance of the word that Jerusalem was to be rebuilt until one who is anointed and a leader, there shall be seven weeks. During sixty-two weeks it shall be rebuilt, With streets and trenches, in time of affliction. <sup>26</sup>After the sixty-two weeks an anointed shall be cut down when he does not possess the city; And the people of a leader who will come shall destroy the sanctuary. Then the end shall come like a torrent; until the end there shall be war, the desolation that is decreed. <sup>27</sup>For one week he shall make a firm compact with the many; Half the week he shall abolish sacrifice and oblation; On the temple wing shall be the horrible abomination until the ruin that is decreed is poured out upon the horror .

### Daniel 9:25-27

<sup>24</sup>Bảy mươi tuần đã được ấn định cho dân và thành thánh của ngươi,... <sup>25</sup>Vậy ngươi hãy biết và hiểu: từ khi lời được ban ra nhằm xây dựng lại Giêrusalem cho tới khi vị thủ lãnh được xúc dầu xuất hiện, thì có bảy tuần. Trong sáu mươi hai tuần, phố xá và thành lũy sẽ được tái thiết, nhưng được tái thiết trong thời buổi cùng quẫn. <sup>26</sup>Sau sáu mươi hai tuần, một vị được xúc dầu sẽ bị thủ tiêu; vị ấy sẽ không có Thành đô và thánh điện sẽ bị dân của một thủ lãnh đến phá tan. Nhưng thủ lãnh này sẽ bị cuốn đi mất. Cho đến cùng, sẽ diễn ra chiến tranh và những cảnh tàn phá đã được quyết định. <sup>27</sup>Nội một tuần, nó sẽ cùng cố minh ước với số người đồng đảo. Trong nửa tuần, nó bắt phải ngưng hy lễ và hiến lễ, nó đặt bên cánh Đền Thờ đồ ghê tởm khốc hại cho đến khi lệnh tiêu hủy đã được quyết định giáng xuống kẻ tàn phá.”

29



## Other Prophets – Các Ngôn Sứ Khác

*"Rejoice greatly, O daughter of Zion, Shout O daughter of Jerusalem: Behold your King is coming to you; ... He shall speak peace to the nations; His dominion shall be from sea to sea, and from the River to the ends of the earth" (Zach. 9:9-10).*

*<sup>1</sup>But you, Bethlehem-Ephrathah too small to be among the clans of Judah, From you shall come forth for me one who is to be ruler in Israel; Whose origin is from of old, from ancient times (Micah 5:1).*

*"Nào thiếu nữ Xi-on, hãy vui mừng hoan hỷ! Hỡi thiếu nữ Giê-ru-sa-lem, hãy vui sướng reo hò! Vì kia Đức Vua của người, đang đến với người; ... Người sẽ cộng bố hoà bình cho muôn dân. Người thông trị từ biển này qua biển nọ, từ sông Cả đến tận cùng cõi đất.  
" (Zach. 9:9-10).*

*<sup>1</sup>Phản người, hỡi Bê-lem Ép-ra-tha, người nhỏ bé nhất trong các thị tộc Giu-đa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Ít-ra-en. Nguồn gốc của Người có từ thời trước, từ thuở xa xưa.*

## Theological Development in Old Testament Sự Phát Triển Thần Học trong Cựu Ước

- If life is going badly, God must be punishing you for your sins and transgressions. If you repent and turn back to God, your punishment will end, and your life will be saved.
- Good people may be suffering now, due to evil cosmic forces; will be rewarded at the end of time, when God comes in judgment and vindicates the righteous.
- Bad People may be prospering now, due to worldly powers; will be punished at the end of time, when God comes in judgment and destroys all evil.
- Nếu cuộc sống trở nên tồi tệ, chắc Thiên Chúa đang trừng phạt bạn vì tội và lỗi phạm của bạn. Nếu bạn ăn năn và quay trở lại với Chúa, hình phạt sẽ hết và đời sống bạn sẽ được cứu.
- Người tốt có thể đau khổ lúc này, vì các thế lực của vũ trụ gian tà; sẽ được thưởng vào ngày tận thế, khi Thiên Chúa đến để phán xét và chứng giám cho người công chính.
- Người xấu có thể thịnh vượng bây giờ, do quyền lực thế gian; sẽ bị trừng phạt vào ngày tận thế, khi Thiên Chúa đến để phán xét và tiêu diệt mọi sự dữ.

## Old Testament prepared for Mystery of Incarnation Cựu Ước chuẩn bị cho Mầu Nhiệm Nhập Thể

- Jesus' human identity is determined on the basis of his bond with the people of Israel, with the dynasty of David and his descent from Abraham.
- Old Testament was Jesus' Scripture. He studied it, read it and nourish spiritually by it.
- Thus he became an authentic son of Israel, deeply rooted in his own people's long history.
- Căn tính nhân loại của Chúa Giêsu được xác định dựa trên sự liên hệ của Người với dân Israel, với triều đại David và dòng dõi Abraham.
- Cựu Ước là Thánh Kinh của Chúa Giêsu. Người học nó, đọc nó và được nó nuôi dưỡng tinh thần.
- Vì vậy, Người trở nên một người con đích thực của Israel, bén rễ sâu trong lịch sử lâu dài của dân mình.

## Old Testament prepared for Mystery of Incarnation Cựu Ước chuẩn bị cho Mầu Nhiệm Nhập Thể

- To deprive Christ of his relationship with the Old Testament is therefore to detach him from his roots and to empty his mystery of all meaning.
- Indeed, to be meaningful, the Incarnation had to be rooted in centuries of preparation Christ would otherwise have been like been meteor that falls by chance to the earth the and is devoid of any connection with human history.
- Như thế, việc tước đoạt mối liên hệ của Đức Kitô với Cựu Ước là tách Người ra khỏi gốc gác của Người và làm cho mầu nhiệm của Người không còn ý nghĩa nữa.
- Thật vậy, để có ý nghĩa, việc Nhập Thể phải được bén rễ từ hàng thế kỷ chuẩn bị nếu không thì Đức Kitô giống như sao sa tình cờ rơi xuống trần gian và không có liên hệ gì với lịch sử nhân loại.

## OT helps Christians to understand their identity CU' giúp các Kitô hữu hiểu căn tính của họ

- Christian identity that is defined first and foremost by faith in Christ, the Son of God. But this faith is inseparable from its relationship to the Old Testament, since it is faith in Christ who “died for our sins, according to the Scriptures” and “was raised ... in accordance with the Scriptures” (1 Cor 15:3-4).
- The Christian must know that by belonging to Christ he has become “Abraham's offspring” (Gal 3:29) and has been grafted onto a cultivated olive tree (cf. Rom 11:17-24), that is, included among the People of Israel, to “share the richness of the olive tree” (Rom 11: 17).
- căn tính Kitô hữu được định nghĩa trước hết bởi đức tin vào Đức Kitô, Con Thiên Chúa, nhưng đức tin này không thể tách rời khỏi mối liên hệ của nó với Cựu Ước, vì đức tin vào Đức Kitô, Đấng “đã chết vì tội lỗi chúng ta, theo lời Thánh Kinh” và “đã sống lại ... theo lời Thánh Kinh” (1Cor 15:34).
- Người Kitô hữu phải biết rằng nhờ thuộc về Đức Kitô, họ đã trở thành “con cái của ông Abraham” (Gal 3:29) và đã được ghép vào cây ôliu đã được trồng (xem Rm 11: 17-24), có nghĩa là, được gia nhập vào trong số Dân Israel, để “chia sẻ sự sung mãn của cây ôliu” (Rm 11: 17).